

UBND TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STP-XDKTTHPL&PBGDPL

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

V/v hướng dẫn một số nội dung về
xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
của HĐND, UBND tỉnh

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Thực hiện Văn bản số 707/UBND-NC ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh về việc đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình năm 2021, Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh năm 2021 (*viết tắt là Quyết định số 96/QĐ-UBND*), Sở Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

I. XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH

Việc xây dựng, ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình thực hiện theo quy định từ Điều 111 đến Điều 126 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*), gồm 09 bước cơ bản sau: (1) Lập đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật; (2) Soạn thảo nghị quyết; (3) Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết; (4) Sở Tư pháp thẩm định dự thảo nghị quyết; (5) Trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết; (6) UBND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết để trình HĐND tỉnh; (7) Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra dự thảo nghị quyết; (8) HĐND tỉnh thông qua nghị quyết tại kỳ họp; (9) Công khai nghị quyết. Trong đó, Sở Tư pháp hướng dẫn cụ thể một số nội dung sau:

1. Lập đề nghị xây dựng nghị quyết QPPL

Các cơ quan (như kính gửi) thường xuyên theo dõi các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên có nội dung phân cấp, giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết QPPL; rà soát các nghị quyết QPPL do Hội đồng nhân

dân tình ban hành, còn hiệu lực thi hành, có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình /hoặc thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của nhiều cơ quan chuyên môn nhưng do cơ quan, đơn vị mình chủ trì soạn thảo, trình ban hành có nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế để lập đề nghị xây dựng nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh trình UBND tỉnh.

1.1. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một trong các nội dung thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ((1) Quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; (2) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; (3) Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương)

Cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo khoản 2 Điều 117 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung) trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết

b) Tài liệu khác (nếu có).

1.2. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương)

Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết phải đánh giá tác động của chính sách (theo Điều 112 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 6 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ)), lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân (theo Điều 113 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 10 Nghị định 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)); **Lưu ý:** Xin ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh đối với các dự thảo Quyết định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh đối với các dự thảo Quyết định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của

Hợp tác xã; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính) đối với đề nghị xây dựng nghị quyết quy định thủ tục hành chính), gửi Sở Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết (theo Điều 115 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Theo Điều 114, khoản 3 Điều 117 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*), hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết (*theo Mẫu số 02 Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*).

b) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết (*theo Mẫu số 01 Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*).

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

đ) Dự kiến Đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

e) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

g) Tài liệu khác (nếu có).

2. Soạn thảo nghị quyết

Thực hiện theo quy định tại Điều 119 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*); trường hợp dự thảo Nghị quyết có quy định thủ tục hành chính phải thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết

Thực hiện theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

4. Thẩm định dự thảo nghị quyết

Thực hiện theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*).

*** Hồ sơ gửi thẩm định, gồm:**

(1) Tờ trình Ủy ban nhân dân về dự thảo nghị quyết;

(2) Dự thảo nghị quyết;

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý.

(4) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(5) Tài liệu khác (nếu có).

* **Thời gian gửi thẩm định:** Chậm nhất là 25 ngày, trước ngày UBND tỉnh họp quyết định việc trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết.

5. Trình UBND tỉnh dự thảo nghị quyết

Thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*). Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo nghị quyết trình UBND tỉnh; đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp.

Hồ sơ dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh, gồm: (i) Các thành phần hồ sơ như hồ gửi thẩm định nêu tại Mục 4 Phần I Công văn này; (ii) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

II. XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH QPPL CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Việc xây dựng, ban hành quyết định QPPL của UBND tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 127 đến Điều 132 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*), gồm 07 bước cơ bản sau: (1) Lập đề nghị xây dựng quyết định QPPL; (2) Soạn thảo quyết định; (3) Lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định; (4) Sở Tư pháp thẩm định; (5) Trình UBND tỉnh dự thảo quyết định; (6) UBND tỉnh xem xét, thông qua; (7) Công khai. Trong đó, Sở Tư pháp hướng dẫn cụ thể một số nội dung sau:

1. Đối với các Quyết định thuộc Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ-UBND

1.1. Soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện soạn thảo dự thảo quyết định theo quy định tại Điều 128 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*). Trường hợp dự thảo quyết định có quy định thủ tục hành chính, phải thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính.

1.2. Lấy ý kiến về dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 129 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

1.3. Sở Tư pháp thẩm định

Thực hiện theo quy định tại Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*).

a) Hồ sơ gửi thẩm định, gồm:

- Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo quyết định (*thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*).

(1) Dự thảo quyết định;

(2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

(3) Bản chụp ý kiến góp ý; văn bản tổng hợp kết quả ý kiến tham gia trên Cổng thông tin điện tử tỉnh;

(4) Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới (nếu có);

(5) Tài liệu khác (nếu có).

b) Thời gian gửi hồ sơ thẩm định

Căn cứ khoản 1 Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*): “*Chậm nhất là 25 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Sở Tư pháp để thẩm định*”, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ để Sở Tư pháp thẩm định **trước 01 (một) tháng** so với thời gian phải trình UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 96/QĐ-UBND.

1.4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định

Thực hiện theo quy định tại Điều 131 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 41 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung*), cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo quyết định trình UBND tỉnh; đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp.

Hồ sơ dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh, gồm: (i) Các thành phần hồ sơ như hồ gửi thẩm định nêu tại điểm 1.3 Mục 1 Phần II Công văn này; (ii) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

2. Đối với các Quyết định không thuộc Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ-UBND

Các cơ quan (như kính gửi) thường xuyên theo dõi các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh có nội dung phân cấp, giao cho UBND tỉnh ban hành quyết định QPPL; rà soát các quyết định QPPL của UBND tỉnh còn hiệu lực thi hành, có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình /hoặc thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của nhiều cơ quan chuyên môn nhưng do cơ quan, đơn vị mình chủ trì soạn thảo, trình ban hành có nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế đề lập đề nghị xây dựng quyết định trình UBND tỉnh (*qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*) theo Điều 127 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đồng gửi bản điện tử cho Sở Tư pháp để kiểm tra, theo dõi.

Tờ trình đề nghị xây dựng quyết định phải nêu rõ: (i) Tên gọi; (ii) Sự cần thiết ban hành; (iii) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; (iv) Nội dung chính của quyết định; (v) Dự kiến thời gian ban hành; (vi) Cơ quan chủ trì soạn thảo. Đối với quyết định quy định những vấn đề được giao quy định chi tiết, cơ quan đề xuất phải rà soát văn bản QPPL do cơ quan nhà nước trung ương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp để xác định rõ nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể.

Sau khi có văn bản giao soạn thảo quyết định QPPL của UBND tỉnh, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo thực hiện quy trình soạn thảo tương tự theo hướng dẫn tại Mục 1 Phần II Công văn này.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn của Sở Tư pháp về công tác xây dựng văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp (*điện thoại 02073 818 154*), đ/c Nguyễn Ngọc Loan, Phó trưởng Phòng (số điện thoại 0966 399 262) hoặc đ/c Trương Thị Lan, Chuyên viên (số điện thoại 0349 598 946) để được trao đổi, hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng Tư pháp huyện, thành phố;
- Trang TTĐT STP (Đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
Loan 50b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

